



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

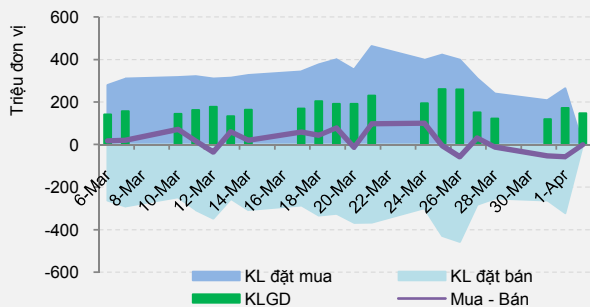
Phiên giao dịch ngày:

2/4/2014

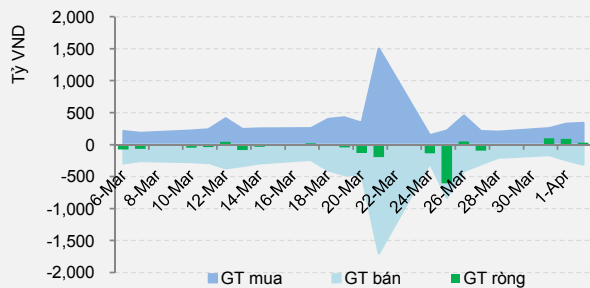
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	581.7	85.7
% Thay đổi	↓ -0.4%	↓ -0.9%
KLGD (CP)	146,779,523	94,095,675
GTGD (tỷ đồng)	2,470.40	1,000.50
Tổng cung (CP)	-	132,828,000
Tổng cầu (CP)	-	125,912,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,528,313	1,400,550
KL mua (CP)	9,631,343	1,089,983
GTmua (tỷ đồng)	339.56	24.00
GT bán (tỷ đồng)	307.58	17.39
GT ròng (tỷ đồng)	31.98	6.60

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.40%	9.8	2.3	5.1%
Công nghiệp	↓ -1.20%	1,410.6	1.3	19.6%
Dầu khí	↑ 0.18%	8.9	2.0	3.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -2.60%	14.8	2.0	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.89%	11.5	3.3	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.73%	13.2	5.0	11.5%
Ngân hàng	↑ 0.14%	15.2	1.4	7.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.05%	12.9	2.2	8.9%
Tài chính	↓ -0.63%	16.0	2.6	38.0%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.16%	11.6	4.2	3.1%
VN - Index	↓ -0.37%	14.5	3.1	71.2%
HNX - Index	↓ -0.94%	21.3	1.7	28.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,452,320	0.8%	982,250	0.6%
GTGD (tỷ VND)	42,637	1.5%	19,856	0.7%

PHẢN ỨNG VỚI MỐC HỖ TRỢ KỸ THUẬT - THỊ TRƯỜNG BẬT MẠNH VỀ CUỐI PHIÊN - LỰC CẦU GIÁ THẤP ĐỒNG ĐỀU TOÀN THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index bật mạnh trở lại về cuối phiên, khi tiếp cận đường biên dưới của dải Bollinger Bands và đường MA50 ngày. Chỉ số HNX-Index cũng phục hồi về cuối phiên, phản ứng với mốc giảm 23.6% của dải Fibonacci Retracement vẽ theo xu hướng tăng từ cuối tháng 9/2013, tương đương khoảng 85 điểm. Xét chi tiết theo phân hóa dòng tiền, cổ phiếu Bluechips diễn biến tích cực hơn thị trường chung. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ chịu áp lực bán khá mạnh. Điểm tích cực là đã phục hồi diễn ra khá đồng đều toàn thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu thị giá vừa và nhỏ đã giảm điểm mạnh.

Thị trường phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên thời gian phục hồi ngắn về cuối phiên, khối lượng khớp lệnh còn thấp chưa cho tín hiệu đủ tích cực. **Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mức hỗ trợ khá mạnh của VN-Index là +/-565 điểm. Đối với HNX-Index, nếu mốc hỗ trợ +/-85 điểm bị phá vỡ, mức hỗ trợ kỹ thuật tiếp theo là khoảng +/-80 điểm.**

Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu, tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, dự kiến KQKD Q1 khả quan.

- Chỉ số VN-Index giảm 2.19 điểm (0.38%), xuống 581.66 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 574.4 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.80 điểm (0.93%), xuống 85.68 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 84.12 điểm.

- Tại phiên họp Chính phủ diễn ra sáng 1/4, Thống đốc NHNN cho biết, tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo của các TCTD đã giảm khá mạnh, hiện chỉ còn khoảng 3,6 - 3,9%, giảm khá so với mức 4.55% vào cuối tháng 11/2013. Con số này có giảm một phần do hệ thống Ngân hàng sử dụng các công cụ tài chính. Nguyên nhân khác là do tồn kho trong nền kinh tế đã cải thiện, đặc biệt là BĐS. Tỷ lệ nợ xấu theo đánh giá của NHNN hiện vào khoảng 7%. Sức khỏe hoạt động của hệ thống Ngân hàng cũng theo chiều hướng tích cực. Về câu chuyện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, sắp tới sẽ có thêm 6-7 ngân hàng nữa thực hiện sáp nhập.

- Thủ tướng Chính phủ yêu cầu NHNN đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng để tăng tổng cầu của nền kinh tế. Tăng trưởng tín dụng cần dần đều, không tập trung vào các tháng cuối năm, gắn với chất lượng tín dụng, giải quyết nợ xấu. Thủ tướng cũng đề nghị các bộ, ngành địa phương quan tâm đến tăng tổng cầu đầu tư, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, vốn đối ứng, công tác giải phóng mặt bằng. Về lãi suất, Thủ tướng đánh giá lãi suất khoản vay mới đã khá thấp. Tuy nhiên, NHNN xem xét có biện pháp giảm lãi suất khoản vay cũ, hỗ trợ khó khăn với doanh nghiệp.



VN-INDEX



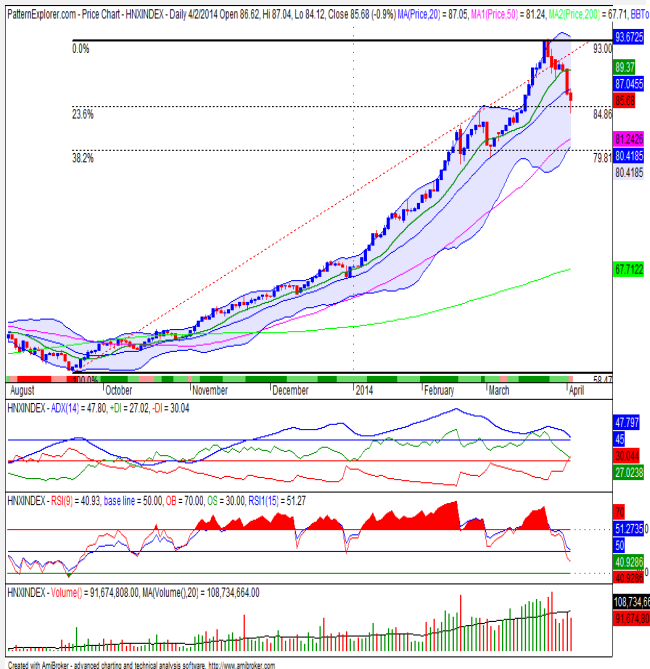
Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 2.19 điểm (0.38%), xuống 581.66 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 574.4 điểm.

- KLGD giảm 14% so với phiên giao dịch trước, xuống 142 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 45 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 tiếp tục mở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index bật mạnh trở lại về cuối phiên, khi tiếp cận đường biên dưới của dải Bollinger Bands và đường MA50 ngày. Xét theo nhóm cổ phiếu, cổ phiếu Bluechips diễn biến tích cực hơn thị trường chung. Nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ chịu áp lực bán khá mạnh. Điểm tích cực là đã phục hồi diễn ra khá đồng đều toàn thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu thị giá vừa và nhỏ đã giảm điểm mạnh.

Chỉ số VN-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên thời gian phục hồi ngắn về cuối phiên, khối lượng khớp lệnh còn thấp chưa cho tín hiệu đủ tích cực. **Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mức hỗ trợ mạnh của VN-Index là +/-565 điểm.**

Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu, tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, dự kiến KQKD Q1 khả quan.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.80 điểm (0.93%), xuống 85.68 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 84.12 điểm.

- KLGD giảm 11% so với phiên trước, xuống 91 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục giảm xuống mức 50 điểm, nhà đầu tư duy trì quan điểm thận trọng. MACD 9 ngày mở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index bật mạnh trở lại về cuối phiên, phản ứng với mốc giảm 23.6% của dải Fibonacci Retracement về theo xu hướng tăng từ cuối tháng 9/2013, tương đương khoảng 85 điểm. Đã phục hồi diễn ra khá đồng đều toàn thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu thị giá vừa và nhỏ đã giảm điểm mạnh. Mức tăng khá về cuối phiên của cổ phiếu SHB cũng hỗ trợ chỉ số chung.

Chỉ số HNX-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên thời gian phục hồi ngắn về cuối phiên, khối lượng khớp lệnh còn thấp chưa cho tín hiệu đủ tích cực. **Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu về xu hướng thị trường điều chỉnh ngắn hạn. Nếu mốc hỗ trợ +/-85 điểm bị phá vỡ, mức hỗ trợ kỹ thuật tiếp theo của HNX-Index là khoảng +/-80 điểm.**

Nhà đầu tư trung hạn xem xét giải ngân một phần danh mục ở những thời điểm thị trường giảm sâu, tập trung vào những cổ phiếu cơ bản, dự kiến KQKD Q1 khả quan.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

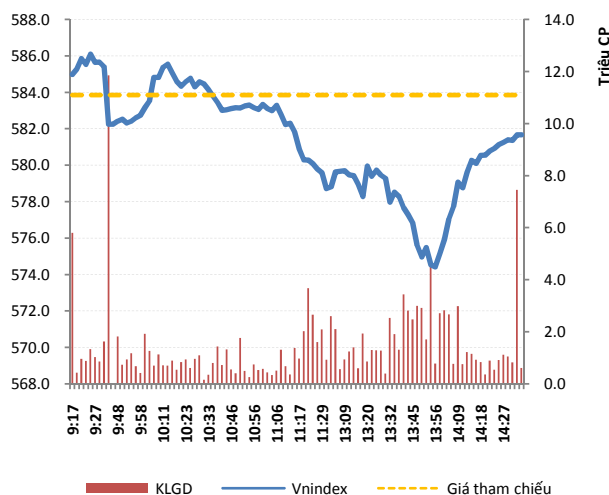
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 01/04/2014

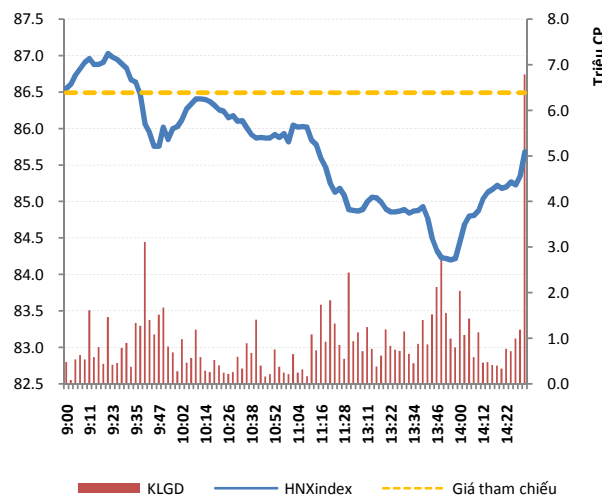


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

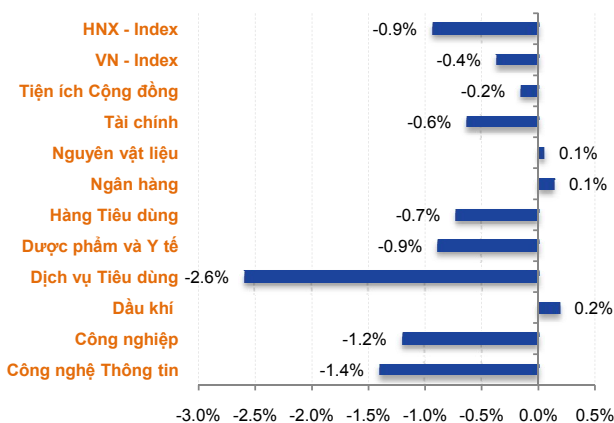
KLGD và VN-Index trong phiên



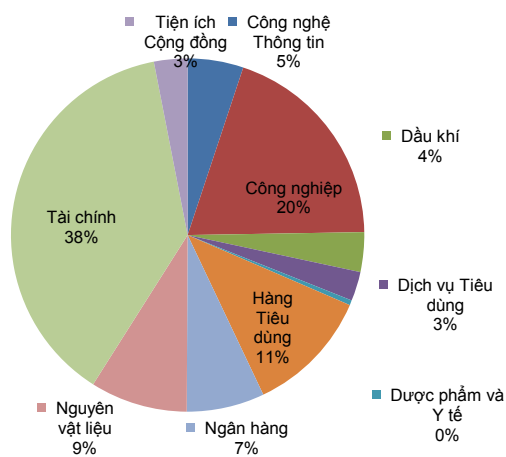
KLGD và HNX-Index trong phiên



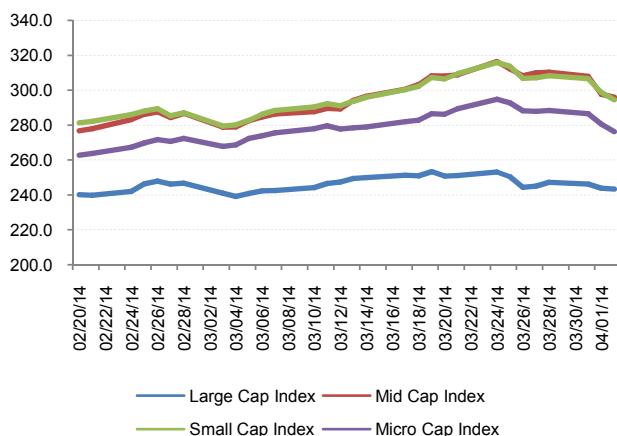
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



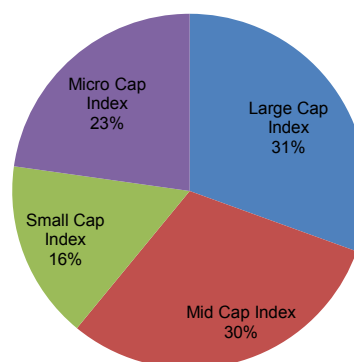
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	2,483,920	SAM	585,190
2	BID	311,010	VIC	351,470
3	ITC	251,530	STB	297,690
4	HPG	239,630	DPM	280,900
5	PPC	227,880	PET	137,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	405,550	PVX	590,700
2	SDH	150,000	SHB	197,300
3	PVC	67,000	VCG	150,000
4	VND	25,000	KLS	119,800
5	NST	22,900	KHL	43,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.5	9.7	↑ 2.11%	13,534,070
HQC	9.0	8.6	↓ -4.44%	6,103,600
VHG	10.6	10.1	↓ -4.72%	5,859,690
FLC	14.2	14.2	→ 0.00%	4,671,380
HAG	28.4	28.2	↓ -0.70%	4,524,390

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.5	6.4	↓ -1.54%	10,650,616
SHB	10.2	10.6	↑ 3.92%	9,099,403
SCR	10.6	10.3	↓ -2.83%	8,608,051
KLS	14.6	14.2	↓ -2.74%	6,288,200
VCG	15.2	15.0	↓ -1.32%	3,344,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KAC	9.3	9.9	0.6	↑ 6.45%
VNG	9.3	9.9	0.6	↑ 6.45%
PXM	3.3	3.5	0.2	↑ 6.06%
VSI	8.5	9.0	0.5	↑ 5.88%
ASIAGF	9.0	9.5	0.5	↑ 5.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	16.8	18.5	1.7	↑ 10.12%
VHH	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
SGC	26.0	28.6	2.6	↑ 10.00%
TET	11.1	12.2	1.1	↑ 9.91%
PGT	5.1	5.6	0.5	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C21	23.0	21.4	-1.6	↓ -6.96%
PPI	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
CCL	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
ALP	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
SSC	44.0	41.0	-3.0	↓ -6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHA	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
CTM	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
PIV	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
VPC	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
GGG	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	13,534,070	0.7%	73	133.5	0.9
HQC	6,103,600	2.7%	285	30.1	0.8
VHG	5,859,690	20.9%	2,213	4.6	0.9
FLC	4,671,380	8.1%	1,139	12.5	1.1
HAG	4,524,390	7.5%	1,287	21.9	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	10,650,616	-82.6%	(4,057)	-	2.4
SHB	9,099,403	7.6%	854	12.4	0.9
SCR	8,608,051	0.4%	53	194.3	0.7
KLS	6,288,200	5.5%	716	19.8	1.0
VCG	3,344,700	9.1%	1,123	13.4	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KAC	↑ 6.5%	0.7%	91	108.9	0.8
VNG	↑ 6.5%	0.3%	35	279.0	0.9
PXM	↑ 6.1%	457.6%	(10,121)	(0.3)	(0.5)
VSI	↑ 5.9%	2.0%	256	35.2	0.7
ASIAGF	↑ 5.6%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJ1	↑ 10.1%	8.3%	2,062	-	0.9
VHH	↑ 10.0%	-8.2%	(795)	(5.5)	0.5
SGC	↑ 10.0%	20.5%	3,154	9.1	1.8
TET	↑ 9.9%	3.9%	477	25.6	1.1
PGT	↑ 9.8%	-25.5%	(2,281)	(2.5)	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,483,920	0.7%	73	133.5	0.9
BID	311,010	13.8%	1,547	10.8	1.5
ITC	251,530	-18.3%	(4,329)	-	0.4
HPG	239,630	22.2%	4,663	11.2	2.3
PPC	227,880	34.1%	5,122	4.4	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	405,550	21.7%	3,707	7.9	1.6
SDH	150,000	0.3%	26	244.6	0.8
PVC	67,000	9.3%	1,571	11.7	1.1
VND	25,000	10.8%	1,247	14.2	1.4
NST	22,900	9.3%	1,685	6.1	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	157,285	40.6%	6,484	12.8	4.7
VNM	117,519	39.6%	7,839	18.0	6.7
VCB	72,303	10.4%	1,881	16.6	1.7
MSN	68,347	3.2%	642	144.9	4.7
VIC	65,885	54.2%	7,405	9.8	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,481	6.6%	889	18.9	1.2
PVS	13,044	21.7%	3,707	7.9	1.6
SHB	9,392	7.6%	854	12.4	0.9
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	6,626	9.1%	1,123	13.4	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CMT	2.23	7.0%	1,076	9.8	0.7
HBC	2.08	6.4%	1,266	16.6	1.0
MSN	2.03	3.2%	642	144.9	4.7
IMP	2.01	8.4%	3,695	16.2	1.4
FCM	1.97	15.0%	1,417	11.0	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	4.27	0.2%	29	240.0	0.5
VCV	3.62	-140.5%	(4,637)	-	2.9
PVL	3.47	-6.2%	(628)	-	0.5
HPC	3.22	5.5%	385	16.4	0.9
PV2	3.12	-42.1%	(3,752)	-	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)